

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGŨ HÙNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/QĐ-UBND

Ngũ Hùng, ngày 25 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách xã
của UBND xã Ngũ Hùng, 6 tháng đầu năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGŨ HÙNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 06/01/2023 của Hội đồng nhân dân
xã Ngũ Hùng về dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách xã năm 2023;*

*Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán về công khai thực hiện dự
toán ngân sách xã của UBND xã Ngũ Hùng, 6 tháng đầu năm 2023;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai thực hiện dự toán ngân sách xã của UBND xã
Ngũ Hùng, 6 tháng đầu năm 2023;

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND xã; Tài chính - Kế toán, các ban, ngành
có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - KH huyện;
- Thường vụ Đảng ủy xã
- Thường trực HĐND xã;
- Như Điều 3.
- Lưu: VP.



Vũ Văn Lùng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023	SO SÁNH (%)
TỔNG SỐ THU	7.468.257.000	3.600.355.211	48,21
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	252.000.000	9.467.400	3,76
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.503.000.000	284.203.287	11,35
III. Thu bổ sung	4.713.257.000	2.779.980.000	58,98
- Bổ sung cân đối	4.633.277.000	2.700.000.000	58,27
- Bổ sung có mục tiêu	79.980.000	79.980.000	100,00
IV/ Thu chuyển nguồn ngân sách		526.704.524	
TỔNG SỐ CHI	7.468.257.000	2.515.207.506	33,68
I. Chi đầu tư phát triển	2.250.000.000	0	0,00
II. Chi thường xuyên	5.079.958.000	2.515.207.506	49,51
III. Dự phòng	138.299.000		



UBND XÃ NGŨ HÙNG

Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh (%)
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NĂM 2022	7.468.257.000	3.600.355.211	48,21
I	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG 100%	252.000.000	9.467.400	3,76
1	Phí và lệ phí	40.000.000	7.959.000	19,90
2	Thu từ quỹ đất CI & HLCS			
	<i>Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công</i>	<i>175.000.000</i>	<i>0</i>	<i>-</i>
	<i>Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất</i>		<i>0</i>	
3	Thu từ hoạt động KT và SN			
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	7.000.000	1.500.000	21,43
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
6	Thu khác	30.000.000	8.400	0,03
II	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG THEO TỶ LỆ %	2.503.000.000	284.203.287	11,35
1	Các khoản thu phân chia	181.000.000	131.345.291	72,57
1.1	Thuế đất phi nông nghiệp (100%)	44.000.000	68.358.215	155,36
1.2	Lệ phí môn bài từ cá nhân hộ kinh doanh (100%)	11.000.000	9.900.000	90,00
1.3	Thuế thu nhập cá nhân (xã 80%; TT 50%)	36.000.000	39.464.026	109,62
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất (100%)	90.000.000	13.623.050	15,14
2	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	2.322.000.000	152.857.996	6,58
2.1	<i>Tiền cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>2.250.000.000</i>	<i>77.910.000</i>	<i>3,46</i>
2.2	<i>Thuế GTGT, TNDN</i>	<i>72.000.000</i>	<i>74.947.996</i>	<i>104,09</i>
III	THU CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH		526.704.524	
IV	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM TRƯỚC			
V	THU BỔ SUNG CHI THƯỜNG XUYÊN	4.713.257.000	2.779.980.000	58,98
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.494.978.000	2.700.000.000	60,07
2	Thu bổ sung có mục tiêu	79.980.000	79.980.000	
3	Dự phòng ngân sách	138.299.000		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	7.468.257.000	2.250.000.000	5.218.257.000	2.515.207.506	0	2.515.207.506	33,68	0,00	48,20
1	Chi DQ tự vệ, trật tự an toàn XH	534.306.400		534.306.400	340.135.839		340.135.839	63,66		63,66
	<i>Trong đó : Chi Quốc phòng</i>	329.656.400		329.656.400	228.357.339		228.357.339	69,27		69,27
	<i>Chi an ninh</i>	204.650.000		204.650.000	111.778.500		111.778.500	54,62		54,62
2	Chi sự nghiệp giáo dục	2.880.000		2.880.000	1.440.000		1.440.000	50,00		50,00
3	Chi sự nghiệp y tế	21.907.000		21.907.000	0			0,00		0,00
4	Chi sự nghiệp văn hóa, Đài TT	75.315.600	0	75.315.600	44.245.600	0	44.245.600	58,75		58,75
	<i>Chi sự nghiệp văn hóa</i>	30.000.000		30.000.000	24.910.000		24.910.000	83,03		83,03
	<i>Chi sự nghiệp Đài TT</i>	45.315.600		45.315.600	19.335.600		19.335.600	42,67		42,67
5	Chi sự nghiệp TĐTT	10.000.000		10.000.000	9.000.000		9.000.000	90,00		90,00
6	Chi sự nghiệp kinh tế	142.102.000	0	142.102.000	77.310.600	0	77.310.600	54,41		54,41
	<i>Trong đó : Chi sự nghiệp giao thông</i>	28.704.000		28.704.000	16.300.000		16.300.000	56,79		56,79
	<i>Chi SN thú y, nông, lâm, TL</i>	113.398.000		113.398.000	61.010.600		61.010.600	53,80		53,80
7	Chi sự nghiệp Môi trường	35.599.000		35.599.000	26.250.000		26.250.000	73,74		73,74
8	Chi sự nghiệp xã hội	547.913.200	0	547.913.200	268.454.600	0	268.454.600	49,00		49,00
	<i>Lương hưu và trợ cấp BHXH</i>	390.913.200		390.913.200	182.034.600		182.034.600	46,57		46,57

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	Chính sách & hoạt động phục vụ người có công với CM	130.000.000		130.000.000	78.400.000		78.400.000	60,31		60,31
	Chính sách & hoạt động phục vụ các DT BTXH và các đối tượng khác	27.000.000		27.000.000	8.020.000		8.020.000	29,70		29,70
9	Chi QL Nhà nước, Đảng & các Đoàn thể	5.874.306.800	2.250.000.000	3.624.306.800	1.721.020.867	0	1.721.020.867	29,30	0,00	47,49
	Chi hoạt động QLNN	4.373.845.700	2.250.000.000	2.123.845.700	1.023.857.461		1.023.857.461	23,41	0,00	48,21
	Chi hoạt động Đảng CSVN	731.383.700		731.383.700	352.361.706		352.361.706	48,18		48,18
	Chi hoạt động MTTQ	275.966.000		275.966.000	101.209.978		101.209.978	36,67		36,67
	Chi hoạt động Đoàn TN	136.402.000		136.402.000	54.395.722		54.395.722	39,88		39,88
	Chi hoạt động Hội PN	127.327.000		127.327.000	72.693.930		72.693.930	57,09		57,09
	Chi hoạt động Hội CCB	76.352.000		76.352.000	26.394.300		26.394.300	34,57		34,57
	Chi hoạt động Hội ND	153.030.400		153.030.400	90.107.770		90.107.770	58,88		58,88
10	Chi khác	85.628.000		85.628.000	27.350.000		27.350.000	31,94		31,94
11	Dự phòng ngân sách xã	138.299.000		138.299.000	0			0,00		0,00



PHẦN 01: DANH MỤC BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI	
1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023	
Biểu số 113/CK TC-NSNN:	Cân đối ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023
Biểu số 114/CK TC-NSNN:	Ước thực hiện thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023
Biểu số 115/CK TC-NSNN:	Ước thực hiện chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023
PHẦN 02: QUYẾT ĐỊNH CÔNG KHAI	
QĐ số 67/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	Quyết định về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách xã của UBND xã Ngũ Hùng 6 tháng đầu năm 2023